

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 906/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở;

2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 287/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3098/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị X**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 128/5/1 Phạm Văn Hai, Phường B, quận TB, Thành phố H.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn V**, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: 500 Adironda Plse, Albuquerque, NM 87123 (505) 610-1629, USA.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22.5.2018 và trong quá trình tố tụng, bà Đặng Thị X - nguyên đơn trình bày:

Cuối năm 1975, Bà và ông Nguyễn V tìm hiểu sau đó tự nguyện chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (đã trưởng thành).

Trong quá trình chung sống, do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên ông V bỏ lại mẹ con Bà ở khu kinh tế mới (xã BS, huyện LT, tỉnh ĐN) để về Phường B, quận TB, Thành phố H sống với Cha, Mẹ ruột. Năm 1979, Bà có đưa con đến nhà mẹ chồng để hỏi thăm thì được biết ông V đã qua Mỹ sinh sống nên cả 02 không còn liên lạc với nhau từ năm 1979 đến nay; qua người thân bên chồng Bà biết được địa chỉ của ông V.

Bà X cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà X và ông V có một con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn V không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị X vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị X với ông Nguyễn V là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 31.7.2018 Tòa án nhân dân Thành phố H đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn V theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời thông báo cho bị đơn biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo quy

định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 15.01.2019, Đại Sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ có văn bản cho Tòa án với nội dung “...đã gửi thông báo và hồ sơ cho ông Nguyễn V đồng thời niêm yết tại trụ sở của Đại Sứ quán kể từ ngày 15.10.2018...”. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27.3.2019, nguyên đơn bà Đặng Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy khai sinh của Nguyễn Văn T, sinh ngày 21.01.1977 (do Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LT, tỉnh ĐN cấp) thể hiện trẻ T có Mẹ là bà Đặng Thị X và Cha là ông Nguyễn V cùng lời trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà X và ông V sống chung như vợ chồng trước ngày 25.3.1977 (ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 có hiệu lực ở miền Nam) nhưng không đăng ký kết hôn; qua đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và hướng dẫn tại khoản 2 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 01 năm 1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị X và ông Nguyễn V được thừa nhận là hôn nhân thực tế, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định về ly hôn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thì ông Nguyễn V hiện đang sinh sống ở Hoa Kỳ còn bà Đặng Thị X ở Việt Nam, bên cạnh đó cả 02 không còn liên lạc với nhau từ khoảng năm 1979 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông V biết yêu cầu ly hôn của bà X và ngày Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông V không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà X, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy cuộc sống chung giữa bà X và ông V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà X và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (đã trưởng thành).

Về nợ chung và tài sản chung: Bà X khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Đặng Thị X chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ khoản 2 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 01 năm 1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị X.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Thị X được ly hôn với ông Nguyễn V

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Thị X chịu, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0044817 ngày 14.6.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà X không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Đặng Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Nguyễn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TPH;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan